

Số: 438 /QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo thí điểm thạc sĩ Kỹ thuật an toàn giao thông-
ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông- định hướng Ứng dụng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/03/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông vận tải;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10/12/2025;
Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-HĐT ngày 10/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Giao thông Vận tải ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;
Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
Căn cứ Thông tư 07/VBHN-BGDĐT ngày 09 tháng 12 năm 2024 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
Căn cứ quyết định số 2219/QĐ-ĐHGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc Ban hành chương trình đào tạo thí điểm thạc sĩ Kỹ thuật an toàn giao thông- ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông của Trường Đại học Giao thông vận tải;
Căn cứ quyết định số 1826/QĐ-ĐHGTVT ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;
Căn cứ quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11 tháng 9 năm 2023 về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải theo thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo trường tại Thông báo số 814/TB-ĐHGTVT ngày 27/10/2022 về việc thông qua chương trình đào tạo thí điểm thạc sĩ Kỹ thuật an toàn giao thông thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo thí điểm thạc sĩ Kỹ thuật an toàn giao thông- định hướng Ứng dụng, thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông- mã số: 8580205 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa Công trình, Khoa Môi trường và An toàn giao thông, PH.ĐHGTVT tại TP.HCM và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH;
- Website (để công bố);
- Lưu: HCTH, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
GIÁO THÔNG VẬN TẢI
PGS. TS. Lê Hoài Đức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

KỸ THUẬT AN TOÀN GIAO THÔNG

Mã số: 8580205- Định hướng Ứng dụng

Thuộc ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 438 /QĐ-ĐHGTVT ngày 26 tháng 02 năm 2026)

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Kỹ thuật An toàn giao thông theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao được trang bị kiến thức sâu, rộng và hiện đại trong lĩnh vực an toàn giao thông; có khả năng thiết kế, vận hành và quản lý hệ thống giao thông một cách an toàn và hiệu quả; có năng lực xử lý ùn tắc và tai nạn giao thông; có kỹ năng đánh giá, phân tích và vận dụng các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông vào thực tiễn; có kỹ năng tự học tập, nghiên cứu để thích ứng với môi trường làm việc và sự phát triển của khoa học công nghệ trong xu thế hội nhập quốc tế.

Mục tiêu	Nội dung chi tiết
MT1	Có hiểu biết về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật của nhà nước để có nhận thức, lối sống và hành động phù hợp, góp phần hiệu quả vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.
MT2	Có kiến thức chuyên môn sâu, rộng và tiên tiến để có thể độc lập trong nghiên cứu và vận dụng để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn.
MT3	Có phẩm chất cá nhân và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.
MT4	Có khả năng tư duy hệ thống, biết đánh giá và vận dụng các giải pháp tiên tiến để giải quyết các vấn đề về ùn tắc và tai nạn giao thông; có khả năng thiết kế, tổ chức, khai thác, vận hành và quản lý hệ thống giao thông một cách an toàn và hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra

Nhóm	Mã số	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	CĐR 1.1	Hiểu được cơ sở lý luận triết học và phương pháp nghiên cứu khoa học, biết vận dụng sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.
	CĐR 1.2	Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để nhận diện, phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án phù hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến ùn tắc và tai nạn giao thông.
	CĐR 1.3	Có kiến thức liên ngành để có thể khai thác, thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý hệ thống giao thông đường bộ một cách an toàn và hiệu quả.
	CĐR 1.4	Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn để đưa ra các giải pháp tiên tiến, hiện đại nhằm khắc phục hiệu quả thực trạng ùn tắc và tai nạn giao thông.
Kỹ năng	CĐR 2.1	Có kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề thực tế về ùn tắc và tai nạn giao thông.

Nhóm	Mã số	CHUẨN ĐẦU RA
	CĐR 2.2	Có kỹ năng chuyên môn trong khai thác, thiết kế, tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả hệ thống giao thông.
	CĐR 2.3	Có kỹ năng vận dụng tổng hợp những kiến thức đã tích lũy để đưa ra các giải pháp tiên tiến và hiện đại nhằm khắc phục khắc phục hiệu quả thực trạng ùn tắc và tai nạn giao thông.
	CĐR 2.4	Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.
	CĐR 2.5	Hiểu biết và vận dụng được kiến thức về triết học, pháp luật, khoa học xã hội và nhân văn để thực hiện các trách nhiệm đạo đức với các quyết định của cá nhân, chính trực, chủ động, chuyên nghiệp trong công việc.
	CĐR 2.6	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, có khả năng hợp tác, chia sẻ, chấp nhận khác biệt.
	CĐR 2.7	Có kỹ năng lựa chọn và sử dụng các hình thức giao tiếp hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, nội dung, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp; có khả năng trình bày các văn bản phổ thông và khoa học.
	CĐR 2.8	Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có kiến thức cơ bản về tiếng Anh trong lĩnh vực kỹ thuật giao thông và an toàn giao thông.
	CĐR 2.9	Có kỹ năng nhận biết, phân tích và đánh giá được các tác động kỹ thuật, kinh tế, xã hội và môi trường trong hoạt động về kỹ thuật giao thông và an toàn giao thông đương đại .
Mức tự chủ và trách nhiệm	CĐR 3.1	Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị, có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.
	CĐR 3.2	Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.
	CĐR 3.3	Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm trong công việc và tác phong chuyên nghiệp, bền bỉ, kiên trì, sáng suốt trước các khó khăn, thách thức của công việc và cuộc sống

3. Khung chương trình đào tạo

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Khối kiến thức (CM, CN)
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
HỌC KỲ 1												
1	Triết học	MPS0.004.3	3	30	30					90		CS
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ET1.M01.3	3	30	30					90		CS
3	Thống kê và phân tích dữ liệu ATGT	ET1.M02.3	3	30	30					90		CS
4	Tâm lý người đi đường và ATGT	ET1.M03.3	3	30	30					90		CM
5	Mô hình hóa và mô phỏng giao thông	ET1.M04.3	3	30					30	90		CM
Cộng			15									
HỌC KỲ 2												
6	Điều tra và phân tích tai nạn giao thông	ET1.M05.3	3	30					30	90		CM
7	Quản lý an toàn giao thông	ET1.M06.3	3	30	30					90		CM
8	Thẩm định ATGT và phân tích rủi ro giao thông	ET1.M07.3	3	30	30					90		CM
Chọn 1 trong 2 học phần (3TC)												
9	Kỹ thuật An toàn ô tô	ET1.ME08.3	3	30	30					90		CN
	Động lực học va chạm ô tô	ET1.ME09.3		30	30					90		CN
Chọn 1 trong 2 học phần (3TC)												
10	Hệ thống GIS và ATGT	ET1.ME10.3	3	30	30					90		CN
	GTVT bền vững	ET1.ME11.3		30	30					90		CM
Cộng			15									
HỌC KỲ 3												
11	Hệ thống giao thông thông minh và ATGT	ET1.M12.3	3	30	30					90		CN
12	Kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ	ET1.M13.3	3	30	30					90		CN

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Khối kiến thức (CM, CN)
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
	Chọn 1 trong 2 học phần (3TC)											
13	Quy hoạch và ATGT đô thị	ET1.ME14.3	3	30	30					90		CM
	Logistics, giao thông thương mại và ATGT	ET1.ME15.3		30	30					90		CM
14	Đồ án thẩm định ATGT	ET1.M19.3	3			45				90		CN
15	Đồ án tổ chức ATGT	ET1.M20.3	3			45				90		CN
16	Thực tập chuyên đề ATGT	ET1.M21.3	3					90	90			CN
	Cộng		18									
	HỌC KỲ 4											
17	Đồ án thiết kế ATGT	ET1.M22.3	3			45				90		CN
18	Thực tập tốt nghiệp	ET1.M23.3	3					90	90			CN
19	Đề án tốt nghiệp	ET1.M24.9	9					270	270			CN
	Cộng		15									
	Tổng số tín chỉ		63									

KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ ATGT

Phó Trưởng Khoa

[Signature]

TS. Cao Minh Quý

KHOA CÔNG TRÌNH

Phó Trưởng Khoa

[Signature]

PGS.TS. Nguyễn Quang Tuấn

**TRƯỞNG TIỂU BAN
XÂY DỰNG CTĐT**

[Signature]

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh

**PHÒNG ĐÀO TẠO SDH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

[Signature]

PGS.TS. Phạm Thị Lan Anh